

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

<붙임>

<Đính kèm 2>

(제1쪽)

(Trang 1)

결혼 배경 진술서

BẢN TƯỜNG TRÌNH QUÁ TRÌNH ĐI TỚI KẾT HÔN

<유의사항>

<Nội dung lưu ý>

이 질문지는 영주자격 소지자의 배우자(F-2-3) 사증발급 또는 체류자격 변경허가를 신청하는 **신청인이 작성**합니다. 원칙적으로 이 서류에 기재된 정보에 따라 심사가 진행되니 신청인께서는 **가능한 모든 질문에 답변**하고, 영사 및 출입국관리공무원이 심사 시 참고할 수 있도록 답변과 관련된 입증서류가 있는 경우 모두 제출하시기 바랍니다. 답변이 누락되거나 입증서류가 제출되지 않는 경우 심사가 지연되거나 불허될 수 있습니다.

Người đăng ký xin cấp visa hoặc thay đổi tư cách lưu trú vợ/chồng của người có tư cách vĩnh trú (F-2-3) **điền** bảng câu hỏi này. Về nguyên tắc, việc xét duyệt được thực hiện dựa trên thông tin nêu trong tài liệu này, nên người đăng ký **phải trả lời tất cả các câu hỏi có thể** và nộp đầy đủ các tài liệu minh chứng liên quan đến câu trả lời nếu có để lãnh sự và cán bộ quản lý xuất nhập cảnh tham khảo khi xét duyệt. Nếu không trả lời hoặc không gửi tài liệu chứng minh, việc xét duyệt có thể bị trì hoãn hoặc không được thông qua.

만약 허가에 필요한 요건을 갖추지 못하였거나 요건입증에 필요한 서류를 갖추지 못하였음에도 요건을 충족한 것으로 보이기 위해 **허위의 사실을 기재하거나 위조된 서류를 제출하는 것은 관련 법령에 의거 처벌될 뿐만 아니라, 한국 입국이 금지될 수 있습니다.** 요건을 갖추지 못하였거나 요건을 입증하는 서류를 갖추지 못하였다면, 그 사유를 기재한 사유서를 제출하여 주시기 바랍니다.

Nếu không đáp ứng các điều kiện cần thiết để được cấp phép hoặc dù không có tài liệu cần thiết chứng minh điều kiện nhưng **cung cấp thông tin sai lệch hoặc gửi tài liệu giả để được xét duyệt, người đăng ký sẽ chịu xử phạt theo các quy định pháp luật liên quan** và có thể bị cấm nhập cảnh vào Hàn Quốc. Trường hợp không đáp ứng điều kiện hoặc không có tài liệu chứng minh điều kiện, vui lòng nộp đơn giải trình giải thích lý do.

귀하가 제공하신 정보는 개인정보 보호법에 따라 보호되며, 다른 법령에 근거가 없는 한 출입국관리법에 따른 업무에만 활용됩니다.

Thông tin ông/bà cung cấp được bảo vệ theo Luật Bảo vệ thông tin cá nhân và chỉ được sử dụng cho các công việc theo “Luật Quản lý xuất nhập cảnh” mà không căn cứ vào các luật khác.

1. 인적사항

1. Thông tin cá nhân

1.1 여권에 기재된 성명

1.1 Họ tên trên hộ chiếu

성

Họ

명

Tên

1.2 성별

1.2 Giới tính

[] 남

Nam

[] 여

Nữ

1.3 현지 언어로 성명을 기재하십시오

1.3 Điền họ tên bằng tiếng Việt

성

Họ

명

Tên

1.4 과거에 다른 이름을 사용하였던 적이 있습니까?(있다면 그 이름과 변경한 이유를 기재하십시오)

1.4 Có từng sử dụng tên khác trước đây không? (Nếu có, liệt kê tên đó và lý do thay đổi)

[] 예

[] 아니오

Có

Không

2. 가족 및 혼인관계
2. Quan hệ gia đình và hôn nhân

2.1 신청인의 부모, 형제, 자매가 혼인에 대해 알고 있습니까? (초청인에게 형제, 자매, 자녀가 있는 경우 빠짐없이 모두 작성하여야 하며, 작성 공간이 부족한 경우 별지로 작성. 사망한 경우 생년월일에 ‘사망’ 으로 기재)
2.1 Bố mẹ, anh chị em của người làm đơn có biết về cuộc hôn nhân không? (Nếu người mời có anh chị em, con cái thì phải điền đầy đủ. Nếu không đủ chỗ thì điền ra giấy riêng. Nếu đã mất, điền “đã mất” vào năm, tháng, ngày sinh)

관계 Quan hệ	성 Họ	명 Tên	생년월일 Năm, tháng, ngày sinh	혼인인지여부 Có biết về việc kết hôn không
부 Bố				안다 / 모른다 Biết / Không biết
모 Mẹ				안다 / 모른다 Biết / Không biết
				안다 / 모른다 Biết / Không biết
				안다 / 모른다 Biết / Không biết
				안다 / 모른다 Biết / Không biết
				안다 / 모른다 Biết / Không biết
				안다 / 모른다 Biết / Không biết

2.2 신청인은 과거에 혼인한 적이 있습니까?
2.2 Người làm đơn đã từng kết hôn trước đây chưa?

[] 예 (아래 표를 작성)
Có (điền vào bảng dưới đây)
[] 아니오
Không

배우자의 성명 Họ tên của vợ/chồng	생년월일 Năm, tháng, ngày sinh	배우자의 국적 Quốc tịch của vợ/chồng	혼인기간 Thời gian hôn nhân
			. . . ~ . . .
			. . . ~ . . .

2.3 현재 배우자 이외에 혼인관계를 유지하고 있는 다른 배우자가 있습니까?
2.3 Có vợ/chồng nào khác và đang duy trì quan hệ hôn nhân ngoài vợ/chồng hiện tại không?

[] 예 [] 아니오
Có Không

2.4 신청인은 과거 혼인관계에서 출생한 자녀가 있습니까?
2.4 Người làm đơn có con cái sinh ra từ quan hệ hôn nhân trước đây không?

[] 예 (아래 표를 작성)
Có (điền vào bảng dưới đây)
[] 아니오
Không

자녀의 성명 Họ tên của con	생년월일 Năm, tháng, ngày sinh	자녀의 국적 Quốc tịch của con	현재 양육하고 있는 사람 Người đang nuôi con hiện nay

(제3쪽)
(Trang 3)

3. 과거 입국경력
3. Lịch sử nhập cảnh trước đây

3.1 신청인은 과거 한국에 방문한 적이 있습니까?
3.1 Người làm đơn đã từng đến Hàn Quốc trước đây chưa?

- [] 예 (아래 표를 작성)
Có (điền vào bảng dưới đây)
[] 아니오
Không

방문기간 Thời gian chuyến thăm	방문목적 Mục đích chuyến thăm	방문한 지역 Khu vực đã đến
. . . ~		
. . . ~		
. . . ~		

(* 3회 이상 방문한 경우 가장 최근에 방문한 기록을 기재)
(* Nếu bạn đã nhập cảnh từ 3 lần trở lên, điền lần nhập cảnh gần nhất.)

3.2 과거 한국 정부로부터 입국거부, 입국금지되거나 강제퇴거 또는 출국명령을 받은 적이 있습니까?
3.2 Đã từng bị chính phủ Hàn Quốc từ chối nhập cảnh, cấm nhập cảnh, cưỡng chế trục xuất hoặc ra lệnh xuất cảnh trước đây chưa?

- [] 예 (아래에 관련 일시, 사유 등을 상세히 기재하십시오)
Có (điền chi tiết ngày, giờ, lí do, v.v. liên quan vào bên dưới)
[] 아니오
Không

4. 서류작성 시 도움 여부

4. Có được hỗ trợ khi điền đơn không

4.1 이 초청장을 작성하는데 다른 사람의 도움을 받았습니까?

4.1 Có được người khác hỗ trợ khi điền thư mời này không?

[] 예 (아래 사항을 기재하십시오)

Có (điền thông tin vào bên dưới)

[] 아니오

Không

성명 Họ tên	주소 Địa chỉ	연락처 Số điện thoại	신청인과의 관계 Quan hệ với Người lâm đơn

5. Xác nhận về việc ghi thông tin sự thật

이 신청서를 제출하기에 앞서 신청인은 가능한 모든 질문에 답변하였는지 검토하여 주십시오. **필요한 답변이 누락된 경우 심사가 지연되거나 신청이 불허될 수 있습니다.** 또한 이 신청서에 기재된 답변을 입증할 수 있는 서류가 있다면 신청서 제출 시 함께 첨부하여 주시기 바랍니다.

Người làm đơn phải kiểm tra xem đã trả lời tất cả các câu hỏi có thể trả lời trước khi nộp đơn đăng ký này hay chưa. **Nếu bỏ sót câu trả lời cần thiết, việc xét duyệt có thể bị trì hoãn hoặc đơn đăng ký có thể bị từ chối**Ngoài ra, nếu có bất kỳ tài liệu nào có thể chứng minh cho câu trả lời được điền trong đơn đăng ký này, vui lòng đính kèm khi nộp đơn.

고의로 신청서에 거짓된 사실을 기재하는 경우 신청이 불허되며, 관계 법령에 따라 불이익을 받을 수 있으며, 거짓된 사실을 기재하여 사증을 발급받아 입국하거나 체류허가를 받은 외국인은 허가를 받았더라도 동법 제46조에 따라 강제퇴거될 수 있습니다.

Nếu có tình cung cấp thông tin sai lệch trong đơn đăng ký, đăng ký sẽ không được phê duyệt và có thể bị xử lý theo các quy định pháp luật liên quan. Người nước ngoài đã được cấp visa và nhập cảnh vào Hàn Quốc hoặc được cấp phép lưu trú bằng cách điền thông tin sai lệch có thể bị cưỡng chế trục xuất theo Điều 46 Luật này dù đã được cấp phép.

본인은 객관적인 사실에 근거하여 신청서를 직접 작성하였고, 본인이 제출한 신청서에 허위 또는 위조된 사실을 기재하였거나 허위 또는 위조된 서류를 첨부하지 않았으며, 만약 본인이 허위 또는 위조된 사실을 기재하였거나 허위 또는 위조된 서류를 첨부한 경우 신청이 불허될 뿐만 아니라 관계 법령에 따라 처벌될 수 있음을 확인하며, 입국 및 체류 허가를 받았더라도 허가가 취소되어 강제퇴거될 수 있음을 확인합니다.

Tôi đã điền đơn đăng ký dựa trên thông tin khách quan và không điền thông tin sai lệch hoặc giả mạo cũng như không đính kèm tài liệu sai lệch hoặc giả mạo trong đơn đăng ký đã nộp. Nếu điền thông tin sai lệch hoặc giả hoặc đính kèm tài liệu sai lệch hoặc giả mạo, tôi biết rằng đơn đăng ký có thể không được cấp phép và thậm chí có thể bị xử phạt theo các pháp luật và quy định liên quan. Tôi cũng xác nhận rằng ngay cả khi đã được cấp phép nhập cảnh và lưu trú, giấy phép có thể bị hủy bỏ và có thể bị cưỡng chế trục xuất.

작성일자 년 월 일

Ngày làm đơn Năm tháng ngày

신청인 (서명 또는 인)

Người làm đơn (Kí tên hoặc đóng dấu)